

**Phụ lục 4: Dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Stt</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Dự toán chi năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
A	B	1	2
	<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>220.437</b>	
<b>I</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên</b>	<b>5.640</b>	
<b>II</b>	<b>Các đơn vị trường học thuộc huyện</b>	<b>214.797</b>	
1	Trường Mầm non Bình Minh	5.275	
2	Trường Mầm non Sao Mai 1	5.590	
3	Trường Mầm non Sao Mai 2	3.585	
4	Trường Mầm non Hòa Mi 1	4.147	
5	Trường Mầm non Hòa Mi 2	2.945	
6	Trường Mầm non Sơn Ca	4.654	
7	Trường Mầm non Quảng Phước	5.807	
8	Trường Mầm non Đông Phú	3.500	
9	Trường Mầm non Xuân Dương	3.437	
10	Trường Mầm non Phú Thanh	4.199	
11	Trường Mầm non Kim Thành	3.522	
12	Trường Mầm non Quảng Thọ	4.902	
13	Trường Mầm non Quảng Lợi	5.078	
14	Trường Mầm non Quảng Thái	4.054	
15	Trường Mầm non Quảng Ngạn	3.786	
16	Trường Mầm non Quảng Công	3.203	
17	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phú	6.497	
18	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phú	3.831	
19	Trường Tiểu học số 1 Quảng Vinh	5.747	
20	Trường Tiểu học số 2 Quảng Vinh	3.991	
21	Trường Tiểu học số 1 Thị trấn Sịa	5.881	
22	Trường Tiểu học số 2 Thị trấn Sịa	5.134	
23	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phước	4.867	
24	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phước	3.314	
25	Trường Tiểu học số 1 Quảng An	4.080	
26	Trường Tiểu học số 2 Quảng An	3.710	
27	Trường Tiểu học số 1 Quảng Thành	4.685	
28	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành	3.370	
29	Trường Tiểu học Quảng Thọ	5.654	
30	Trường Tiểu học số 1 Quảng Lợi	3.909	
31	Trường Tiểu học số 2 Quảng Lợi	4.707	
32	Trường Tiểu học Quảng Thái	4.575	
33	Trường Tiểu học Quảng Ngạn	5.371	

Stt	Tên đơn vị	Dự toán chi năm 2024	Ghi chú
A	B	1	2
34	Trường Tiểu học Quảng Công	4.256	
35	Trường Trung học cơ sở Đặng Hữu Phở	6.964	
36	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Đà	5.403	
37	Trường Trung học cơ sở Đặng Dung	8.671	
38	Trường Trung học cơ sở Ngô Thế Lân	4.878	
39	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Dật	5.940	
40	Trường Trung học cơ sở Đặng Tất	6.869	
41	Trường Trung học cơ sở Trần Thúc Nhẫn	5.460	
42	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Anh	5.303	
43	Trường Trung học cơ sở Lê Xuân	4.326	
44	Trường Trung học cơ sở Phạm Quang Ái	4.997	
45	Trường Trung học cơ sở Phan Thế Thế Phương	4.723	

Ghi chú:

1. Định mức chi năm 2024 được phân bổ theo lớp học:

- + Mầm non: Thị trấn 27tr/lớp/năm, xã 30tr/lớp/năm.
- + Tiểu học: Thị trấn 34tr/lớp/năm, xã 35tr/lớp/năm.
- + THCS: Thị trấn 30tr/lớp/năm, xã 32tr/lớp/năm.

Riêng các trường có số lớp dưới 12 trường/lớp thì được bổ sung thêm 20 tr/điểm trường thực tế.

Định mức trên đã gồm: Kinh phí mua sắm trang thiết bị có giá trị nhỏ phục vụ giảng dạy và học tập, duy tu, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trường, lớp; kinh phí khen thưởng của UBND huyện cho tập thể và cá nhân ngành giáo dục thuộc huyện quản lý; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên do huyện tổ chức.

Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện: Định mức 17 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Dự toán chi 2024 của các đơn vị chưa tính trừ 40% quỹ học phí, 10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại cải cách tiền lương mới, dự toán của các trường học trên địa bàn đã bao gồm phụ cấp thâm niên ngành, Chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo ND 105/2020/ND-CP, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/ND-CP của Chính phủ, kinh phí mua sắm sách theo Chỉ thị 18 của TTCP và KH số 35 của UBND tỉnh về thay sách giáo khoa, thiết bị dạy và học, sửa chữa thường xuyên và các khoản khác của ngành, tự chủ về tài chính như kinh phí khen thưởng, đào tạo, các hoạt động khác theo định mức phân bổ của tỉnh. Dự toán sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ các khoản như: Tăng cường CSVC 26,2 tỷ đồng; các chính sách, công tác khác của ngành,...

**Phụ lục 4: Dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên đơn vị	Dự toán chi năm 2024	Ghi chú
A	B	1	2
	<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>220.437</b>	
<b>I</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên</b>	<b>5.640</b>	
<b>II</b>	<b>Các đơn vị trường học thuộc huyện</b>	<b>214.797</b>	
1	Trường Mầm non Bình Minh	5.275	
2	Trường Mầm non Sao Mai 1	5.590	
3	Trường Mầm non Sao Mai 2	3.585	
4	Trường Mầm non Hòa Mi 1	4.147	
5	Trường Mầm non Hòa Mi 2	2.945	
6	Trường Mầm non Sơn Ca	4.654	
7	Trường Mầm non Quảng Phước	5.807	
8	Trường Mầm non Đông Phú	3.500	
9	Trường Mầm non Xuân Dương	3.437	
10	Trường Mầm non Phú Thanh	4.199	
11	Trường Mầm non Kim Thành	3.522	
12	Trường Mầm non Quảng Thọ	4.902	
13	Trường Mầm non Quảng Lợi	5.078	
14	Trường Mầm non Quảng Thái	4.054	
15	Trường Mầm non Quảng Ngạn	3.786	
16	Trường Mầm non Quảng Công	3.203	
17	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phú	6.497	
18	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phú	3.831	
19	Trường Tiểu học số 1 Quảng Vinh	5.747	
20	Trường Tiểu học số 2 Quảng Vinh	3.991	
21	Trường Tiểu học số 1 Thị trấn Sịa	5.881	
22	Trường Tiểu học số 2 Thị trấn Sịa	5.134	
23	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phước	4.867	
24	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phước	3.314	
25	Trường Tiểu học số 1 Quảng An	4.080	
26	Trường Tiểu học số 2 Quảng An	3.710	
27	Trường Tiểu học số 1 Quảng Thành	4.685	
28	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành	3.370	
29	Trường Tiểu học Quảng Thọ	5.654	
30	Trường Tiểu học số 1 Quảng Lợi	3.909	
31	Trường Tiểu học số 2 Quảng Lợi	4.707	
32	Trường Tiểu học Quảng Thái	4.575	
33	Trường Tiểu học Quảng Ngạn	5.371	

214.79  
67.68

83.57

Stt	Tên đơn vị	Dự toán chi năm 2024	Ghi chú
A	B	1	2
34	Trường Tiểu học Quảng Công	4.256	
35	Trường Trung học cơ sở Đặng Hữu Phở	6.964	
36	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Đà	5.403	
37	Trường Trung học cơ sở Đặng Dung	8.671	
38	Trường Trung học cơ sở Ngô Thế Lân	4.878	
39	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Dật	5.940	
40	Trường Trung học cơ sở Đặng Tất	6.869	
41	Trường Trung học cơ sở Trần Thúc Nhẫn	5.460	
42	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Anh	5.303	
43	Trường Trung học cơ sở Lê Xuân	4.326	
44	Trường Trung học cơ sở Phạm Quang Ái	4.997	
45	Trường Trung học cơ sở Phan Thế Thế Phương	4.723	

Ghi chú:

1. Định mức chi năm 2024 được phân bổ theo lớp học:

- + Mầm non: Thị trấn 27tr/lớp/năm, xã 30tr/lớp/năm.
- + Tiểu học: Thị trấn 34tr/lớp/năm, xã 35tr/lớp/năm.
- + THCS: Thị trấn 30tr/lớp/năm, xã 32tr/lớp/năm.

Riêng các trường có số lớp dưới 12 trường/lớp thì được bổ sung thêm 20 tr/điểm trường thực tế.

Định mức trên đã gồm: Kinh phí mua sắm trang thiết bị có giá trị nhỏ phục vụ giảng dạy và học tập, duy tu, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trường, lớp; kinh phí khen thưởng của UBND huyện cho tập thể và cá nhân ngành giáo dục thuộc huyện quản lý; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên do huyện tổ chức.

Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện: Định mức 17 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Dự toán chi 2024 của các đơn vị chưa tính trừ 40% quỹ học phí, 10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại cải cách tiền lương mới, dự toán của các trường học trên địa bàn đã bao gồm phụ cấp thâm niên ngành, Chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo ND 105/2020/ND-CP, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/ND-CP của Chính phủ, kinh phí mua sắm sách theo Chỉ thị 18 của TTCP và KH số 35 của UBND tỉnh về thay sách giáo khoa, thiết bị dạy và học, sửa chữa thường xuyên và các khoản khác của ngành, tự chủ về tài chính như kinh phí khen thưởng, đào tạo, các hoạt động khác theo định mức phân bổ của tỉnh. Dự toán sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ các khoản như: Tăng cường CSVC 26,2 tỷ đồng; các chính sách, công tác khác của ngành,...

**Phụ lục 4: Dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Stt</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Dự toán chi năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
A	B	1	2
	<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>220.437</b>	
<b>I</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên</b>	<b>5.640</b>	
<b>II</b>	<b>Các đơn vị trường học thuộc huyện</b>	<b>214.797</b>	
1	Trường Mầm non Bình Minh	5.275	
2	Trường Mầm non Sao Mai 1	5.590	
3	Trường Mầm non Sao Mai 2	3.585	
4	Trường Mầm non Hòa Mi 1	4.147	
5	Trường Mầm non Hòa Mi 2	2.945	
6	Trường Mầm non Sơn Ca	4.654	
7	Trường Mầm non Quảng Phước	5.807	
8	Trường Mầm non Đông Phú	3.500	
9	Trường Mầm non Xuân Dương	3.437	
10	Trường Mầm non Phú Thanh	4.199	
11	Trường Mầm non Kim Thành	3.522	
12	Trường Mầm non Quảng Thọ	4.902	
13	Trường Mầm non Quảng Lợi	5.078	
14	Trường Mầm non Quảng Thái	4.054	
15	Trường Mầm non Quảng Ngạn	3.786	
16	Trường Mầm non Quảng Công	3.203	
17	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phú	6.497	
18	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phú	3.831	
19	Trường Tiểu học số 1 Quảng Vinh	5.747	
20	Trường Tiểu học số 2 Quảng Vinh	3.991	
21	Trường Tiểu học số 1 Thị trấn Sịa	5.881	
22	Trường Tiểu học số 2 Thị trấn Sịa	5.134	
23	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phước	4.867	
24	Trường Tiểu học số 2 Quảng Phước	3.314	
25	Trường Tiểu học số 1 Quảng An	4.080	
26	Trường Tiểu học số 2 Quảng An	3.710	
27	Trường Tiểu học số 1 Quảng Thành	4.685	
28	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành	3.370	
29	Trường Tiểu học Quảng Thọ	5.654	
30	Trường Tiểu học số 1 Quảng Lợi	3.909	
31	Trường Tiểu học số 2 Quảng Lợi	4.707	
32	Trường Tiểu học Quảng Thái	4.575	
33	Trường Tiểu học Quảng Ngạn	5.371	

Stt	Tên đơn vị	Dự toán chi năm 2024	Ghi chú
A	B	1	2
34	Trường Tiểu học Quảng Công	4.256	
35	Trường Trung học cơ sở Đặng Hữu Phổ	6.964	
36	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Đà	5.403	
37	Trường Trung học cơ sở Đặng Dung	8.671	
38	Trường Trung học cơ sở Ngô Thế Lâm	4.878	
39	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Dật	5.940	
40	Trường Trung học cơ sở Đặng Tất	6.869	
41	Trường Trung học cơ sở Trần Thúc Nhẫn	5.460	
42	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Anh	5.303	
43	Trường Trung học cơ sở Lê Xuân	4.326	
44	Trường Trung học cơ sở Phạm Quang Ái	4.997	
45	Trường Trung học cơ sở Phan Thế Thế Phương	4.723	

Ghi chú:

1. Định mức chi năm 2024 được phân bổ theo lớp học:

- + Mầm non: Thị trấn 27tr/lớp/năm, xã 30tr/lớp/năm.
- + Tiểu học: Thị trấn 34tr/lớp/năm, xã 35tr/lớp/năm.
- + THCS: Thị trấn 30tr/lớp/năm, xã 32tr/lớp/năm.

Riêng các trường có số lớp dưới 12 trường/lớp thì được bổ sung thêm 20 tr/điểm trường thực tế.

Định mức trên đã gồm: Kinh phí mua sắm trang thiết bị có giá trị nhỏ phục vụ giảng dạy và học tập, duy tu, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trường, lớp; kinh phí khen thưởng của UBND huyện cho tập thể và cá nhân ngành giáo dục thuộc huyện quản lý; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên do huyện tổ chức.

Đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện: Định mức 17 triệu đồng/biên chế/năm.

2. Dự toán chi 2024 của các đơn vị chưa tính trừ 40% quỹ học phí, 10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại cải cách tiền lương mới, dự toán của các trường học trên địa bàn đã bao gồm phụ cấp thâm niên ngành, Chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo ND 105/2020/ND-CP, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/ND-CP của Chính phủ, kinh phí mua sắm sách theo Chỉ thị 18 của TTCP và KH số 35 của UBND tỉnh về thay sách giáo khoa, thiết bị dạy và học, sửa chữa thường xuyên và các khoản khác của ngành, tự chủ về tài chính như kinh phí khen thưởng, đào tạo, các hoạt động khác theo định mức phân bổ của tỉnh. Dự toán sự nghiệp giáo dục chưa phân bổ các khoản như: Tăng cường CSVC 26,2 tỷ đồng; các chính sách, công tác khác của ngành,...